

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----☆☆☆-----

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số:

Hôm nay, ngày .../.../....., tại....., các Bên gồm:

- **Bên Cho Vay: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch, có Mã số Doanh nghiệp là 0100233583.**

- Địa chỉ trụ sở :
- Điện thoại :- Fax:
- Đại diện : Ông/Bà:- Chức vụ:.....

Sau đây gọi là **Bên Ngân hàng**,

- **Bên Vay: Ông.....và Bà**

- Hộ khẩu TT :
- Địa chỉ hiện tại :
- Giấy CMND : Ông.....mang Giấy CMND sốdo Công ancấp ngày .../.../.....; Bà mang Giấy CMND sốdo Công ancấp ngày .../.../.....
- Điện thoại nhà riêng:- Điện thoại di động:
- Email (nếu có):

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng tín dụng ("**Hợp đồng**") này với các nội dung như sau:

Điều 1. Số Tiền, Thời Hạn, Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay Và Điều Kiện Giải Ngân

1. Số tiền vay:(Bằng chữ:.....), trong đó:
 - a) Số tiền vay cho mục đích quy định tại Khoản 3a dưới đây là:(Bằng chữ:.....).
 - b) Số tiền vay cho mục đích quy định tại Khoản 3b dưới đây là:(Bằng chữ:.....);
2. Thời hạn vay:.....(Bằng chữ:), tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.
3. Mục đích sử dụng tiền vay:
 - a).....
 - b) Mua bảo hiểm.Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên Ngân hàng về mục đích sử dụng vốn vay của mình.
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
 - a) Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho Bên vay sau khi Bên vay và các bên liên quan (nếu có) đã đáp ứng tất cả các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Bên

Ngân hàng theo sản phẩm cho vay mà Bên vay tham gia. Bên Ngân hàng có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc xảy ra trường hợp bất khả kháng nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên Ngân hàng dẫn đến việc Bên Ngân hàng không thể giải ngân.

b) Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên vay theo phương thức:

Giải ngân một lần Giải ngân nhiều lần Bằng tiền mặt

Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên vay

Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng

c) Mỗi lần rút vốn vay, Bên vay phải báo trước cho Bên Ngân hàng ít nhất 01 ngày làm việc và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, đồng thời ký Kế ước nhận nợ và các chứng từ liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng. Bên vay chỉ được rút vốn vay trong thời hạn do Bên Ngân hàng quy định kể từ ngày ký kết Hợp đồng này; sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân hàng đồng ý.

d) Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

5. Thỏa thuận khác:

a) Đồng tiền cho vay: Đồng Việt Nam

b) Bên vay bằng việc ký kết Hợp đồng này xác nhận nhận nợ đối với số tiền vay theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Hợp đồng này từ Bên Ngân hàng. Theo đó Hợp đồng này đồng thời sẽ được coi là Kế ước nhận nợ được ký kết giữa Các Bên. Theo đó, các thuật ngữ "Kế ước nhận nợ" đề cập trong Hợp đồng này được hiểu là Hợp đồng này.

c) Trường hợp giải ngân chuyển khoản, ngày Bên Ngân hàng thực hiện việc chuyển số tiền vay vào tài khoản của Bên vay hoặc Bên thụ hưởng khác được coi là ngày Bên vay nhận tiền vay. Bên vay có trách nhiệm nhận nợ đối với toàn bộ số nợ gốc mà Bên Ngân hàng đã chuyển khoản.

d) Trường hợp Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên vay bằng tiền mặt thông qua Công ty Bưu chính Việt Nam (VNPOST), Bên vay nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân.

e) Bên vay đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ thỏa thuận của Các Bên theo Hợp đồng này, thỏa thuận có liên quan cũng như các cam kết, xác nhận của Bên vay với Bên Ngân hàng.

f)

Điều 2. Lãi Suất, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay (trong hạn): Mức lãi suất này được cố định trong suốt thời hạn vay. Mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo cách thức tính lãi quy định tại Hợp đồng này với một năm là 360 ngày. Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là%/năm, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo cách thức tính lãi quy định tại Hợp đồng này.

2. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Kế ước nhận nợ.

3. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả được xác định như sau:

- a) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 - b) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả
4. Cách thức tính lãi:
- a) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x Số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi /360.
 - b) Tiền lãi sẽ được tính từ khi Bên vay nhận nợ vốn vay cho đến khi Bên vay thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng, không tính ngày trả nợ.
5. Bên vay phải thanh toán các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho Bên Ngân hàng theo đúng thời hạn, số lượng và phương thức mà Bên Ngân hàng yêu cầu, cụ thể:
- a) PhíVND (Bằng chữ:), Thời điểm thanh toán:; Phương thức thanh toán:
 - b) PhíVND (Bằng chữ:), Thời điểm thanh toán:; Phương thức thanh toán:

Điều 3. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng này, các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
 - a) Thế chấp bằng(ghi tên tài sản)
 - b) Cầm cố bằng(ghi tên tài sản)
 - c) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).
2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: (i) Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố) số ký ngày/...../.....; (ii) các Hợp đồng bảo đảm ký sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng tín dụng này; và (iii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên.

Điều 4. Thời Hạn Và Phương Thức Trả Nợ

1. Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho Bên Ngân hàng theo lịch biểu sau đây:
 - a) Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ tháng/lần vào ngày (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày/...../....., tổng cộng gồm kỳ. Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là.....(bằng chữ:), riêng kỳ cuối cùng trả(bằng chữ:).
 - b) Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ tháng/lần, vào ngày (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày/...../.....
2. Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết

thức thời hạn vay nêu tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng này.

3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên vay thực tế trả nợ.
4. Trường hợp Bên vay muốn thanh toán nợ cho Bên Ngân hàng trước thời hạn, Bên vay phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên Ngân hàng ít nhất 05 ngày làm việc và phải được Bên Ngân hàng đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền phí hoặc tiền phạt trả nợ trước hạn theo mức quy định như sau:

.....
.....

5. Bên vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. Trường hợp trả nợ bằng loại tiền khác phải được sự đồng ý của Bên Ngân hàng và quy đổi theo tỷ giá quy đổi chung do Bên Ngân hàng công bố công khai tại thời điểm trả.
6. Địa điểm thu nợ: Việc thanh toán các khoản nợ của Khách hàng được thực hiện tại bất kỳ trụ sở địa điểm kinh doanh nào của VPBank hoặc địa điểm của VNPost.
7. Phương thức thu nợ: Bên vay có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ. Bên vay có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại Bên Ngân hàng và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để Bên Ngân hàng thu nợ khi đến hạn. Bên Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích tài khoản nêu trên hoặc bất kỳ tài khoản nào khác (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng để thu nợ đến hạn hoặc để bảo đảm thu nợ. Nếu các tài khoản của Bên vay có loại tiền khác với loại tiền vay và Bên Ngân hàng có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì Bên Ngân hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, Bên Ngân hàng sẽ yêu cầu Bên vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của Bên Ngân hàng, trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, Bên Ngân hàng có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên vay theo quy định tại Hợp đồng này. Việc Bên Ngân hàng bán ngoại tệ để Bên vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên vay trả nợ cho Bên Ngân hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo cho Bên vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên vay chấp nhận việc Bên Ngân hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Khách hàng chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).

8. Thứ tự ưu tiên thu nợ: Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
 - a) Trường hợp khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, Bên Ngân hàng sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của Bên Ngân hàng (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
 - b) Trường hợp khoản vay bị chuyển quá hạn, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của Bên Ngân hàng, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.
9. Trường hợp Bên Ngân hàng thu nợ từ tiền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: Chi phí xử lý tài sản bảo đảm, nợ gốc, lãi, tiền phạt, các khoản

phí khác, bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. Bên Ngân hàng có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay mà không cần có lý do. Nếu Bên vay được Bên Ngân hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì Bên vay phải chịu mức lãi suất cơ cấu lại theo Điều 2 và Bên vay phải đáp ứng các điều kiện theo thỏa thuận với Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại.
3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của các Bên.

Điều 6. Thu Hồi Nợ Trước Hạn

1. Các Bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
 - a) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Kế ước nhận nợ;
 - b) Bên vay sử dụng vốn sai mục đích, có hành vi không trung thực, cung cấp thông tin sai sự thật, trốn tránh, thiếu thiện chí với Bên Ngân hàng trong quá trình vay vốn, trả nợ;
 - c) Bên vay bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - d) Thu nhập, tài sản của Bên vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Bên vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho Bên Ngân hàng;
 - e) Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Bên Ngân hàng;
 - f) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Bên Ngân hàng.
 - g) Trường hợp Bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại Bên Ngân hàng, thì nếu có bất kỳ Hợp đồng tín dụng, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp đồng này có thể chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ dư nợ còn lại cho Bên Ngân hàng;
 - h) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các thỏa thuận khác giữa các Bên;
 - i) Các trường hợp mà Bên Ngân hàng xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định thu hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, tất cả các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay theo Hợp đồng này dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn. Bên Ngân hàng sẽ gửi văn bản thông báo cho Bên vay về việc thu hồi nợ trước hạn, thời hạn mà Bên vay phải thanh toán nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng sẽ được ghi nhận cụ thể trong thông báo của Bên Ngân hàng nhưng tối thiểu là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo; Bên vay phải thanh toán cho Bên Ngân hàng toàn bộ dư nợ còn lại đúng thời hạn mà Bên Ngân hàng yêu cầu.

Điều 7. Nợ Quá Hạn

1. Các khoản nợ gốc, lãi của Bên vay sẽ là Nợ quá hạn trong các trường hợp sau:
 - a) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi theo các Kỳ trả nợ;
 - b) Bên vay phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng này nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Bên Ngân hàng. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà Bên Ngân hàng yêu cầu Bên vay phải trả nợ trước hạn.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn, cụ thể như sau:
 - a) Trường hợp Bên vay chậm thanh toán nợ gốc và/hoặc lãi theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ và Bên Ngân hàng không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn; Phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn.
 - b) Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi khi kết thúc thời hạn vay nêu tại Khoản 2 Điều 1 Hợp đồng này, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Hợp đồng này phải chịu lãi suất quá hạn.
 - c) Trường hợp Bên Ngân hàng yêu cầu Bên vay phải thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại trước thời hạn, nếu Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Bên Ngân hàng, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Hợp đồng này phải chịu lãi suất quá hạn.
3. Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn / 30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm).
4. Kể từ thời điểm quá hạn, Bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Điều 8. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng

1. Quyền của Bên Ngân hàng:
 - a) Từ chối giải ngân tiền vay nếu Bên vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc trong trường hợp VPBank không thể giải ngân theo quy định của Hợp đồng này;
 - b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân

hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay. Trường hợp, Bên vay không đồng ý với các nội dung điều chỉnh của Bên Ngân hàng, Bên vay có quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng.

- c) Được quyền yêu cầu Bên vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên vay để thanh toán các khoản nợ cho Bên Ngân hàng đầy đủ, đúng hạn;
 - d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên vay;
 - e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
 - f) Được yêu cầu Bên vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp Bên Ngân hàng nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
 - g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ;
 - h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo Hợp đồng này mà không cần phải có sự đồng ý của Bên vay trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.
 - i) Có quyền sử dụng các thông tin về Bên vay và các khoản tín dụng của Bên vay bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
 - j) Trường hợp Bên vay có nhiều người, thì tất cả các Bên vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên vay, Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các Bên vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng này.
2. Nghĩa vụ của Bên Ngân hàng:
 - a) Giải ngân tiền vay cho Bên vay theo đúng thỏa thuận;
 - b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.
 3. Bên Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay

1. Quyền của Bên vay:
 - a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ Bên Ngân hàng theo đúng thỏa thuận;
 - b) Được yêu cầu Bên Ngân hàng giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Bên vay (nếu có) sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng.
2. Nghĩa vụ của Bên vay:
 - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng trong suốt quá trình vay vốn;
 - b) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để Bên Ngân hàng trực tiếp kiểm tra về

tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;

- c) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ...để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng này trong các trường hợp Bên Ngân hàng có yêu cầu;
- d) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng này và các văn bản liên quan;
- e) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ thiệt hại phát sinh, các thiệt hại này có thể bao gồm chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà Bên Ngân hàng phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của Bên vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;
- f) Trường hợp Bên vay được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của Bên vay, Bên vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Ngân hàng thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Ngân hàng.
- g) Thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm c), d), e) khoản 1, Điều 6 của Hợp đồng này;
 - Bên vay thay đổi Hộ khẩu thường trú, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa hai Bên.
- h) Bên vay đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên vay sẽ không được Bên Ngân hàng tiếp tục giải ngân, sẽ bị chấm dứt hạn mức tín dụng (nếu có) và phải thực hiện trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng (nếu đã phát sinh dư nợ):
 - Bên vay không thực hiện rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định trong Hợp đồng này, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của Bên Ngân hàng.
 - Bên Ngân hàng không thực hiện giải ngân được do Bên vay không đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân/cấp tín dụng;
 - Các hồ sơ, thông tin Bên vay cung cấp cho Bên Ngân hàng là không chính xác, không trung thực; Bên Ngân hàng nhận định Bên vay có dấu hiệu gian lận, giả mạo khi vay vốn hoặc tài bảo đảm cho khoản vay của Bên vay có dấu hiệu phát sinh tranh chấp, khiếu nại.

Trong các trường hợp nêu trên, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà Bên Ngân hàng đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho Bên Ngân hàng theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

- i) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên Ngân hàng đồng ý bằng văn bản.

3. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo

dảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với Bên Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp

1. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được Các Bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.
2. Trường hợp Các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong Các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng, địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần đầu của Hợp đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Bên vay kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.

Điều 11. Trao Đổi Thông Tin

1. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay các vấn đề liên quan tới khoản vay theo Hợp đồng này cũng như các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của Bên Ngân hàng đối với các khoản vay theo Hợp đồng này bằng một trong các phương thức liên hệ do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ bao gồm phương thức gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Bên vay, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên vay, gửi email tới Bên vay và thông báo trên website chính thức của Bên Ngân hàng (website: www.vpbank.com.vn).
2. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay như nêu tại Khoản 1 nêu trên là địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay như nêu tại phần đầu của Hợp đồng này. Bên vay được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân hàng khi Bên Ngân hàng đã thông báo bằng các phương thức nêu trên tới địa chỉ, số điện thoại, email của Bên vay. Trường hợp Bên vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với Bên Ngân hàng thì phải thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên Ngân hàng có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên vay đã nhận được thông báo khi Bên Ngân hàng thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay.
3. Bên vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân hàng nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng sau 01 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo. Nếu Bên vay không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của Bên Ngân hàng, Bên vay được quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng.

Điều 12. Điều Khoản Thi Hành

1. Các Bên thống nhất thực hiện theo đúng các thỏa thuận tại Hợp đồng này, các Khế ước nhận nợ và các cam kết, thỏa thuận khác nhằm thực hiện Hợp đồng giữa các Bên (nếu có) được lập bằng văn bản hoặc bằng phương thức khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp có điều khoản nào đó của Hợp đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng, được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ 01 bản, Bên Ngân hàng giữ 03 bản.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

BÊN VAY
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- 1. Trường hợp áp dụng:** Mẫu biểu này áp dụng đối với khoản vay có Tài sản bảo đảm, giải ngân một lần và lãi suất cho vay cố định trong suốt thời hạn vay đối với Khách hàng của Khối Tín dụng tiểu thương.
- 2. Lưu ý:**
 - Trước khi in Hợp đồng để ký kết với Khách hàng, phải kiểm tra lại thật kỹ nội dung của Hợp đồng, làm theo đúng chỉ dẫn tại các foot-note (nếu có) và phần Hướng dẫn, sau đó xóa hết các foot-note (nếu có), xóa phần ký hiệu mẫu biểu và phần hướng dẫn.
 - Do nội dung các điều khoản của Hợp đồng đã được đăng ký mẫu với Bộ Công Thương theo Quyết định 35/2015/QĐ-TTg nên VPBank không được chỉnh sửa mẫu Hợp đồng mà chỉ được hoàn thiện các nội dung để trống trong mẫu mà Bộ Công thương chấp thuận (thuộc các nội dung quy định tại Mục II và III dưới đây). Căn cứ vào quy định của VPBank và quy định của pháp luật, các nội dung này đã được xây hoàn thiện tương ứng trong Hợp đồng, trường hợp có chỉnh sửa, VPBank chỉ được chỉnh sửa trong phạm vi các nội dung này.

II. PHẦN CÁC BÊN CỦA HỢP ĐỒNG

1. Đơn vị hoàn thiện các thông tin về Bên Cho Vay, Bên Vay vào các phần để trống tương ứng tại phần đầu Hợp đồng.
2. **Lưu ý:** Trường hợp Khách hàng không tự ký Hợp đồng thì phải yêu cầu Khách hàng cung cấp Văn bản ủy quyền hợp lệ cho người khác ký Hợp đồng.

III. PHẦN NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Điều 1. Số tiền, thời hạn, mục đích sử dụng tiền vay và điều kiện giải ngân

- a) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3: Đơn vị điền số tiền vay, thời hạn vay và mục đích sử dụng tiền vay theo thỏa thuận với Khách hàng trên cơ sở phù hợp với hồ sơ Khách hàng.
- b) Điểm b, Khoản 4: Đơn vị lựa chọn và tích vào phương thức giải ngân phù hợp.
- c) Điểm f Khoản 5: Trường hợp Nghị quyết phê duyệt có phê duyệt các điều khoản khác cần bổ sung vào Hợp đồng và/hoặc các trường hợp khác mà theo quy định cần bổ sung thêm các nội dung khác vào Hợp đồng thì Đơn vị quy định các nội dung này tại điểm f Khoản 5, Điều 1 này. Trường hợp không có nội dung cần bổ sung, Đơn vị có thể bỏ điểm này đi

2. Điều 2. Lãi suất, phí và các chi phí khác

Khoản 5: Trường hợp Bên vay phải thanh toán các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho VPBank thì Đơn vị bổ sung thông tin liên quan đến mức phí, phương thức, thời điểm thanh toán. Trường hợp VPBank không thu phí, Đơn vị bỏ nội dung này khỏi Hợp đồng.

3. Điều 3. Biện pháp bảo đảm tiền vay

- a) Đơn vị ghi nhận đầy đủ thông tin về Tài sản bảo đảm cho khoản vay vào các nội dung để trống tương ứng trong Điều này.

- b) Lưu ý: Trường hợp có sự thay đổi về TSBD bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế TSBD, các Đơn vị không cần phải lập Phụ lục Hợp đồng tín dụng để ghi nhận các thay đổi này, trừ trường hợp Khách hàng yêu cầu.

Điều 4. Thời hạn và phương thức trả nợ

- c) Khoản 1 Điều 4: Đơn vị điền cụ thể thông tin về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi theo đúng phê duyệt của khoản vay của Khách hàng,

Trường hợp khoản vay trả gốc theo tháng thì nội dung tại điểm a Khoản 1 Điều 4 sửa lại như sau:

“Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ hàng tháng (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày/...../....., tổng cộng gồm kỳ. Số tiền nợ gốc mà Bên vay phải trả mỗi kỳ là.....(bằng chữ:)”

Trường hợp khoản vay trả lãi theo tháng thì nội dung tại điểm b Khoản 1 Điều 4 sửa lại như sau:

“Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ hàng tháng (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày/...../.....”

- d) Khoản 4 Điều 4: Đơn vị hoàn thiện nội dung trả nợ trước hạn và mức phí trả nợ trước hạn trong Hợp đồng theo đúng chính sách phí của VPBank.

- Trường hợp cần thiết, Đơn vị có thể đưa nội dung trả nợ trước hạn và mức phí trả nợ trước hạn ra Phụ lục Hợp đồng. Trường hợp này, Đơn vị chỉnh sửa Khoản 4 thành như sau: *“Trường hợp Bên vay muốn thanh toán nợ cho Bên Ngân hàng trước thời hạn, Bên vay phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên Ngân hàng ít nhất ngày làm việc và phải được Bên Ngân hàng đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền phí hoặc tiền phạt trả nợ trước hạn theo mức quy định như sau: Mức phí cụ thể được quy định tại Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.*

- e) Trong mọi trường hợp, Đơn vị đảm bảo mức phí trả nợ trước hạn phải được xác định cụ thể và thỏa thuận với khách hàng tại thời điểm VPBank ký Hợp đồng/Phụ lục Hợp đồng với Khách hàng.